

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngành Tâm lý học

(Ban hành theo Quyết định số: 1042/QĐ-ĐHLĐXH ngày 12 tháng 5 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội)

Ngành: Tâm lý học

Mã ngành: 7310401

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **TÂM LÝ HỌC**
- Tên tiếng Anh: **PSYCHOLOGY**

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân Tâm lý học
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Psychology

1.2. Mục tiêu đào tạo:

1.2.1. Mục tiêu tổng quát (Program general goals)

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành TLH được xây dựng nhằm cung ứng cho xã hội nguồn nhân lực TLH có đủ năng lực đảm nhận các vị trí cán bộ tâm lý ở các cấp độ và trong các môi trường làm việc khác nhau.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals)

PO1: Đào tạo người học có kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, các kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quốc phòng - an ninh;

PO2: Đào tạo người học có tư duy hệ thống và phản biện trong việc vận dụng các khối kiến thức nền tảng về cơ sở ngành, khối ngành cũng như có sự hiểu biết sâu sắc về kiến thức chuyên ngành trong lĩnh vực TLH;

PO3: Đào tạo người học có khả năng thích nghi, học tập sáng tạo và ứng dụng nhuần nhuyễn khối kỹ năng chuyên ngành cũng như khối kỹ năng mềm thông qua các hoạt động

giáo dục lý thuyết trên lớp và thực hành tại thực địa;

PO4: Đào tạo người học trở thành công dân toàn cầu có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, có sức khỏe tốt để làm việc một cách độc lập cũng như có khả năng làm việc nhóm và phát huy trí tuệ tập thể;

PO5: Có ý thức tự học và rèn luyện để tích lũy thêm kiến thức, có khả năng học tập ở bậc học cao hơn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hay thông qua các khóa học để lấy các chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

– Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

– Thực hiện theo Quyết định số: /QĐ-ĐHLĐXH ngày / / về việc ban hành Chuẩn đầu ra các Chuyên môn trình độ đại học, hệ chính quy, khóa tuyển sinh 20....

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	26	21.5
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	26	21.5
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	34	28.0
1.4	Kiến thức nền tảng rộng	20	16.5
1.4.1	Khoa học tự nhiên	3	2.4
1.4.2	Khoa học chính trị	11	9.1
1.4.3	Pháp luật	2	1.7
1.4.4	Tin học	4	3.3
1.5	Kiến thức khác ngành	6	5.0
1.6	Kiến thức đại cương khác	9	7.5
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	9	7.5

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
Tổng cộng:		121	100%

2.2. Khung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết - LT; Thực hành - TH; Thí nghiệm - TN; Đồ án - ĐA; Thực tập - TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				26						
1.1.1	Các học phần bắt buộc			22						
1.1.1.1	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	General Psychology	2	2					
1.1.1.2	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	General sociology	2	2					
1.1.1.3	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	World civilization history	2	2					
1.1.1.4	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	General knowledge of Vietnamese culture	2	2					
1.1.1.5	KNSO0322H	Kỹ năng sống	Life skills	2	2				TLĐC0322L	
1.1.1.6	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	Communication skills	2	2					
1.1.1.7	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	Research Methods in psychology	3	3				TLĐC0322L	
1.1.1.8	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	Specialized sociology	3	3				XHĐC0322L	
1.1.1.9	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	General aesthetics	2	2				TLĐC0322L	
1.1.1.10	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	Social psychology	2	2				TLĐC0322L	
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 2/4)			4						
1.1.2.3	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	Social health care	2	2					

1.1.2.4	NCHO0322L	Nhân chủng học	Anthropology	2	2					
1.1.2.5	GVPT0322H	Giới và phát triển	Gender and Development	2	2				XHĐC0322L	
1.1.2.6	GĐHO0322L	Gia đình học	Family Studies	2	2				XHĐC0322L	
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi				26						
1.2.1	Các học phần bắt buộc			26						
1.2.1.1	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	History of Psychology	3	3				TLĐC0322L	
1.2.1.2	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	Neurophysiology	3	3				TLĐC0322L	
1.2.1.3	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	Developmental Psychology	3	3				TLĐC0322L	
1.2.1.4	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	Human behavior and social environment	3	3					
1.2.1.5	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	General Pathology	3	3				TLĐC0322L	
1.2.1.6	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	Ethnic Psychology	3	3				TLĐC0322L	
1.2.1.7	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	Clinical Psychology	3	3				TLĐC0322L	
1.2.1.8	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	Labor Psychology	2	2					
1.2.1.9	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	Group Psychology	3	3				TLĐC0322L	
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				34						
1.3.1	Các học phần bắt buộc			12						
1.3.1.1	TVCB0322H	Tham vấn và thực hành tham vấn	Counseling theory and practice	3	3					

1.3.1.2	THLD0323T	Thực hành tâm lý học lao động	Labor Psychology Practice	3		3			TLĐC0322L TLLĐ0322H
1.3.1.3	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	Group Psychology Practice	3		3			TLNN0322H
1.3.1.4	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	Social Psychology Practice	3		3			XHĐC0322L TLXH0322L TLPT0323H
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 4/8)			12					
1.3.2.1	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	Women” Psychology	3	3				TLĐC0322L
1.3.2.2	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	Psychology of the Elderly	3	3				TLĐC0322L
1.3.2.3		Công tác xã hội với người nghiện ma túy	Social work with drug user	3	3				
1.3.2.4	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	Management Psychology	3	3				TLXH0322L
1.3.2.5	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	Counseling in mental health care	3	3				TVCB0323H
1.3.2.6	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	Child and Adolescent Pathology	3	3				TLĐC0322L TBĐC0323H
1.3.2.7	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	Social work with the disabled	3	3				
1.3.2.7	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và	Social work with people infected	3	3				

		ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	and affected by HIV / AIDS							
1.3.3	KLTL0326T	Thực tập cuối khóa	Final Internship	4				4		
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)			6						
1.3.4.1	TLGD0323H	Tâm lý học gia đình	Family Psychology	3	3				TLĐC0322L	TLHD0323H TVTE0323H TVPN0323H
1.3.4.2	TLHD0323H	Tâm lý học học đường	School Psychology	3	3				TLLS0323H	TLGD0323H TVTE0323H TVPN0323H
1.3.4.3	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại	Counseling for abused Children	3	3				TVCB0323H	TVTE0323H TVPN0323H TLHD0323H
1.3.4.4	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	Counseling for women domestic Violence	3	3				TVCB0323H	TVTE0323H TLGD0323H TLHD0323H
1.3.4.5	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	6				6		
1.4. Kiến thức nền tảng rộng				20						
1.4.1. Khoa học tự nhiên				3						
1.4.1.1	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	Probability and Statistics	3	3					
1.4.2. Khoa học chính trị				11						
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	Marxist Leninist Philosophy	3	3					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị	Marxist Leninist	2	2					

		Mác - Lênin	Political Economics						
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2				
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2				
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	2				
1.4.3. Pháp luật				2					
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	2	2				
1.4.4. Tin học				4					
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	2				
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	2				
1.5. Kiến thức khác ngành				6					
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/3)			2					
1.5.1.2	TKXH1322H	Thông kê xã hội	Social statistics	2	2				
1.5.1.3	PLXH1022H	Pháp luật về các vấn đề xã hội	Law of social issues	2	2				
1.5.1.4	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	Introduction to Social Work	2	2				
Các học phần tự chọn (chọn 2/4)				4					
1.5.2.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	Advanced mathematics 1	2					

1.5.2.2	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Text editor	2					
1.5.2.3	LOGI0722L	Logic học	Logic	2					
1.5.2.4	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	Scientific research methodology	2					
1.6 Kiến thức đại cương khác				9					
1.6.1 Ngoại ngữ				9					
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	2	2				
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	3			TAC10622H	
1.6.1.3	ATL10622H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 1	English for psychology 1	2	2				
1.6.1.3	ATL10622H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 2	English for psychology 2	2	2				
1.6.2. Giáo dục thể chất (- Chọn 3/10)									
1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	Exercise- Athletics	1		1			
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	Volleyball 1	1		1			
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2	Volleyball 2	1		1			
1.6.2.4	BORI1421T	Bóng rổ 1	Basketball 1	1		1			
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2	Basketball 2	1		1			
1.6.2.6	CLO11421T	Cầu lông 1	Bedminton 1	1		1			
1.6.2.7	CLO21421T	Cầu lông 2	Bedminton 2	1		1			
1.6.2.4	COV11421T	Cờ vua 1	Chess 1	1		1			
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2	Chess 2	1		1			
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3	Chess 3	1		1			
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)									
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc	Line of Denfense	3	3				

		phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	and Security							
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	Denfense and Security	2	2					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	General Military	1	1					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Infantry fighting techniques and tactics	2	2					
Tổng cộng				121						

2.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành			26								
1.1.1	Các học phần bắt buộc		22								
1	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	2	2							
2	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	2	2							
3	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	2			2					
4	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	2	2							
5	KNSO0322H	Kỹ năng sống	2				2				
6	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	2					2			
7	PPNC0322H	Phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học	3				3				
8	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	3				3				
9	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	2			2					
10	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	2				2				
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 2/4)		4								
11	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2				2				
12	NCHO0322L	Nhân chủng học	2				2				
13	GVPT0322H	Giới và phát triển	2		2						
14	GĐHO0322L	Gia đình học	2		2						
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi		26								
1.2.1.	Các học phần bắt buộc		26								
15	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	3				3				
16	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	3			3					
17	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	3					3			
18	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	3					3			
19	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	3				3				
20	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	3					3			
21	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	3							3	
22	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	2					2			
23	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	3					3			
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ		34								
1.3.1	Các học phần bắt buộc		12								
24		Tham vấn và thực hành tham vấn	3						3		
25	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao	3						3		

		động									
26	TLNN0322H	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	3						3		
27	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	3						3		
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 4/8)		12								
28	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	3						3		
29	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	3								
30		Công tác xã hội với người nghiện ma túy	3							3	
31	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	3								
32	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	3								
33	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	3								
34	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	3						3		
35	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	3						3		
36	KLTL0326T	Thực tập cuối khóa	4								4
1.3.4	Học phần thay thế hoặc khóa luận tốt nghiệp		6								
37	TLGD0323H	Tâm lý học gia đình	3						3		
38	TLHD0323H	Tâm lý học học đường	3						3		
39	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại	3						3		
40	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	3						3		
41	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	6								6
1.4	Kiến thức nền tảng rộng		20								
1.4.1	Khoa học tự nhiên		3								
42	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	3			3					
1.4.2	Khoa học chính trị		11								
43	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	3			3					
44	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			2					
45	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	2	2							
46	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2					
47	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2							2	
1.4.3	Pháp luật		2								
48	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	2	2							

1.4.4	Tin học		4								
49	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	2	2							
50	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	2		2						
1.5	Kiến thức khác ngành		6								
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/3)		2								
51	TKXH1322H	Thống kê xã hội	2		2						
52	PLXH1022H	Pháp luật về các vấn đề xã hội	2								
53	NMCT0322H	Nhập môn Công tác xã hội	2								
1.5.2.	Các học phần tự chọn (chọn 2/4)		4								
54	TCC11122L	Toán cao cấp 1	2		2						
55	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	2								
56	LOGI0722L	Logic học	2								
57	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	2								
1.6	Kiến thức đại cương khác		9								
1.6.1	Ngoại ngữ		9								
58	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
59	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
60	ATL10621H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 1	2				2				
61	ATL20621H	Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý 2						2			
1.6.2.	Giáo dục thể chất (chọn 3/10)										
62	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh		1		1					
63	BOCI1421T	Bóng chuyền 1		1		1					
64	BOC21421T	Bóng chuyền 2		1		1					
65	BORI1421T	Bóng rổ 1		1		1					
66	BOR21421T	Bóng rổ 2		1		1					
67	CLO11421T	Cầu lông 1		1		1					
68	CLO21421T	Cầu lông 2		1		1					
69	COV11421T	Cờ vua 1		1		1					
70	COV21421T	Cờ vua 2		1		1					
71	COV31421T	Cờ vua 3		1		1					
1.6.3.	Giáo dục quốc phòng (165 tiết)										
72	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	3		3						
73	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	2		2						
74	QSUC1421L	Quân sự chung	1		1						
75	KTCĐ1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2		2						
	Tổng		121	14	16	14	16	18	16	17	10

Cụ thể:

Học kỳ 1:

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	14		
1	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	2		
2	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	2		
3	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	2		
4	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	2		
5	ĐCVH0322L	Đại cương văn hóa Việt Nam	2		
6	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	2		
7	XHĐC0322L	Xã hội học đại cương	2		
8		Giáo dục thể chất	2		Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017
9		Giáo dục quốc phòng và an ninh	4		Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/5/2018
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng (chưa tính GDTC và GDQPAN)	14		

Học kỳ 2

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	10		
1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	3		
2	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		
3	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	2		
4	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	3	TAC10622H	
5		Giáo dục quốc phòng và an ninh	4		Thực hiện theo QĐ 1133/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/5/2018
		Học phần tự chọn	6		
6		Giáo dục thể chất	1		Thực hiện theo QĐ 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017
7	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	2		Chọn 2/4 HP
	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	2		
8	LOGI0722L	Logic học	2		
	TCC11122L	Toán cao cấp 1	2		

9	TKXH1322H	Thống kê xã hội	2		Chọn 1/3 HP
	PLXH1022H	Pháp luật về các vấn đề xã hội	2		
	NMCT0322H	Nhập môn công tác xã hội	2	TLĐC0322L XHĐC0322 L	
		Tổng cộng (chưa tính GDTC và GDQPAN)	16		

Học kỳ 3

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	12		
1	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
2	LSTG0322L	Lịch sử văn minh thế giới	2		
3	MHĐC0322H	Mĩ học đại cương	2	TLĐC0322L	
4	SLTK0323H	Sinh lý thần kinh	3	TLĐC0322L	
5	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3		
		Học phần tự chọn	2		
6	GVPT0322H	Giới và phát triển	2	XHĐC0322L	Chọn 1/2 HP
	GĐHO0322L	Gia đình học	2	XHĐC0322L	
		Tổng cộng	14		

Học kỳ 4

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	16		
1	LSTL0323H	Lịch sử tâm lý học	3		
2	TLXH0322L	Tâm lý học xã hội	2		
2	KNSO0322H	Kỹ năng sống	2		
3	NCTL0323H	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	3		
4	XHCB0323H	Xã hội học chuyên biệt	3		
5	TBĐC0323H	Tâm bệnh học đại cương	3		
		Học phần tự chọn	2		
7	NCHO0322L	Nhân chủng học	2		Chọn 1/2 HP
	SKCĐ0322H	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2		
		Tổng cộng	18		

Học kỳ 5

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
----	-------------	--------------	-------	-----------	---------

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	17		
1	TLPT0323H	Tâm lý học phát triển	3		
2	TLNN0322H	Tâm lý học nhóm nhỏ	2		
3	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	2		
4	ATL10622H	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học 1	2		
5	HVCN0323H	Hành vi con người và môi trường xã hội	3		
6	TLDT0323H	Tâm lý học dân tộc	3		
7	TLLĐ0322H	Tâm lý học lao động	2		
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	17		

Học kỳ 6

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	15		
1		Tham vấn và thực hành tham vấn	3		
2	THXH0323T	Thực hành tâm lý học xã hội	3	TLXH0322L	
3	THLĐ0323T	Thực hành tâm lý học lao động	3	TLLĐ0322H	
4	THNN0323T	Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ	3	TLNN0322H	
5	ATL20622H	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học 2	2	ATL10622H	
		Học phần tự chọn	0		
		Tổng cộng	15		

Học kỳ 7

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	5		
1	TLLS0323H	Tâm lý học lâm sàng	3	TLĐC0322L	
2	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
		Học phần tự chọn	12		
3 4	TLPN0323H	Tâm lý học phụ nữ	3	TLĐC0322L	Chọn 2/4 HP
	TLCT0323H	Tâm lý học người cao tuổi	3	TLĐC0322L	
		Công tác xã hội với	3		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		người nghiện ma túy			
	TLQL0323H	Tâm lý học quản lý	3	TLXH0322L	
5 6	TVTT0323H	Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	3	TVCB0323H	Chọn 2/4 HP
	TBTE0323H	Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên	3	TLĐC0322L TBĐC0323H	
	CNKT0323H	Công tác xã hội với người khuyết tật	3		
	CHIV0323H	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	3		
		Tổng cộng	17		

Học kỳ 8

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Điều kiện	Ghi chú
		Học phần bắt buộc	4		
1	TTTL0324T	Thực tập cuối khóa	4		
		Học phần tự chọn	6		
2	KLTL0326T	Khóa luận tốt nghiệp	6		
		Các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp	6		
3 4	TLGD0323H	Tâm lý học gia đình	3	TLĐC0322L	Chọn 2/4 HP để thay thế cho khoá luận tốt nghiệp
	TLHD0323H	Tâm lý học học đường	3	TLLS0323H	
	TVTE0323H	Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại	3	TVCB0323H	
	TVPN0323H	Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình	3	TVCB0323H	
		Tổng cộng	10		

2.4. MÔ TẢ VẤN TẮT NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG CÁC HỌC PHẦN

2.4.1. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

2.4.2. Xã hội học đại cương

Số tín chỉ: 02

Xã hội học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất

và cơ sở xã hội của các vấn đề, các sự kiện xã hội; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu xã hội, khái quát sự hình thành và phát triển của xã hội học và các hiện tượng xã hội; Các khái niệm và một số lý thuyết cơ bản của xã hội học..

2.4.3. Lịch sử văn minh thế giới

Số tín chỉ: 02

Lịch sử văn minh thế giới là cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời và phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử loài người; Điều kiện hình thành nền văn minh; Trình độ phát triển kinh tế và phân hóa xã hội; Lịch sử thành lập và cấu trúc của Nhà nước; Những học thuyết chính trị, quan điểm triết học và các tôn giáo lớn cùng những thành tựu khoa học tự nhiên, kỹ thuật và văn học nghệ thuật; Khái niệm văn minh và văn hóa, những nét khái quát trong tiến trình phát triển của lịch sử văn minh nhân loại, sự vận dụng vào quá trình hội nhập các trào lưu văn minh thế giới và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

2.4.4. Đại cương văn hóa Việt Nam

Số tín chỉ: 02

Học phần Đại cương văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Văn hóa Việt: Khái niệm văn hóa, văn minh, giao lưu tiếp biến văn hóa, âm dương ngũ hành; Các lý thuyết về văn hóa vùng miền, văn hóa ẩm thực, ăn mặc, tôn giáo, tín ngưỡng của con người Việt Nam.

2.4.5. Kỹ năng sống

Số tín chỉ: 02

Kỹ năng sống trang bị cho sinh viên hiểu biết cơ bản về kỹ năng sống, tầm quan trọng của kỹ năng sống và kiến thức về một số kỹ năng sống cơ bản

2.4.6. Kỹ năng giao tiếp

Số tín chỉ: 02

Kỹ năng giao tiếp cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản nhất về giao tiếp trong mối quan hệ giữa người với người: khái niệm, các đặc trưng cơ bản của giao tiếp, các yếu tố tham gia và chi phối cuộc giao tiếp, các phương thức tác động tâm lý trong giao tiếp.

2.4.7. Phương pháp nghiên cứu tâm lý học

Số tín chỉ : 03

Học phần mô tả các nội dung cơ bản về nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và các phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu tâm lý cụ thể. Đồng thời học phần hướng sinh viên cách thức nghiên cứu các hiện tượng tâm lý, để hoàn thiện một đề tài nghiên cứu tâm lý từ khâu chuẩn bị, tiến hành và tổng hợp viết báo cáo, nghiệm thu và công bố kết quả.

2.4.8. Xã hội học chuyên biệt

Số tín chỉ: 03

Xã hội học chuyên biệt cung cấp cho sinh viên kiến thức về các vấn đề cụ thể của xã hội dưới góc độ xã hội học: XHH nông thôn, XHH đô thị, XHH giáo dục, XHH gia đình...

2.4.9. Mỹ học đại cương

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên những về bản chất của mỹ học như: đối tượng của mỹ học, vai trò và tác dụng của đời sống thẩm mỹ đối với con người, mối quan hệ của mỹ học với các khoa học khác; Bản chất cái đẹp, bản chất của cái hài kịch, bản chất cái bi kịch, bản chất cái trác tuyệt; Bản chất và cấu trúc của chủ thể thẩm mỹ, phân loại các chủ thể thẩm mỹ; Nghệ thuật, cấu trúc của đời sống nghệ thuật, chức năng của nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật.

2.4.10. Tâm lý học xã hội

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học xã hội cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về các hiện tượng tâm lý xã hội: Đối tượng, nhiệm vụ, các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý học xã hội; Bản chất, cơ chế hiệu hiện, hình thành các hiện tượng tâm lý xã hội; Các hiện tượng tâm lý xã hội nhóm.

2.4.11. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Số tín chỉ: 02

Học phần bao gồm những kiến thức tổng quan về sức khỏe cộng đồng, chỉ số đánh giá về sức khỏe của cộng đồng, các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, các nội dung và phương pháp giáo dục sức khỏe, việc chăm sóc sức khỏe cho các đối tượng cụ thể cũng như một số sơ cứu thông thường.

2.4.12. Nhân chủng học

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Quá trình phát triển, tiến hóa của con người; Các mối tương tác của con người với con người, con người với môi trường; Các tộc người và các vấn đề về con người trên phương diện lý thuyết lồng ghép và liên hệ cụ thể với những vấn đề về nhân học.

2.4.13. Giới và Phát triển

Số tín chỉ: 02

Giới và phát triển cung cấp cho sinh viên những kiến thức về giới và phát triển: Các khái niệm cơ bản liên quan đến giới, cách tiếp cận nghiên cứu giới và phát triển, bình đẳng giới trong đời sống xã hội; Các kiến thức cơ bản về luật pháp, chính sách liên quan đến bình đẳng giới ở Việt Nam và quốc tế; Các kỹ năng thực hiện lồng ghép giới trong hoạt động truyền thông và trong các chương trình, chính sách, dự án phát triển.

2.4.14. Gia đình học

Số tín chỉ: 02

Gia đình học cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và một hệ thống các khái niệm cơ bản về gia đình; Các nghiên cứu ứng dụng thực tế về gia đình, cũng như các giai đoạn hình thành và phát triển của gia đình qua các thời kỳ; Những vấn đề mà hiện nay gia đình đang gặp phải.

2.4.15. Lịch sử tâm lý học

Số tín chỉ : 03

Giới thiệu những tư tưởng tâm lý học triết học thời cổ đại, tâm lý học tiền khoa học thời Phục hưng và các trường phái tâm lý học hiện đại qua các thời kỳ; Tâm lý học ra đời với tư cách là một ngành khoa học độc lập với mốc sự kiện 1872.4. Sự ra đời, thăng trầm của các trường phái: Tâm lý học chức năng, Phân tâm học, Tâm lý học hành vi, Tâm lý học Nhận thức, Tâm lý học nhân văn, Tâm lý học hiện sinh, Tâm lý học Gestalt, Tâm lý học hoạt động; Sự hình thành và phát triển Tâm lý học Việt Nam.

2.4.16. Sinh lý thần kinh

Số tín chỉ : 03

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sinh lý học thần kinh, cấu tạo não bộ và chức năng của não, hệ thần kinh, hoạt động thần kinh cấp cao và tâm lý. Hơn thế nữa, học phần người học được trang bị những kiến thức kỹ năng chuyên sâu về cơ chế sinh lý của tâm lý, cơ chế phản xạ, cung phản xạ, vòng phản xạ và mối liên hệ giữa các quy luật hoạt động thần kinh cấp cao với tâm lý người. Học phần là nền tảng kiến thức cho các môn học tiếp theo trong chương trình học. Đây là những kiến thức cần thiết, bắt buộc trong đào tạo sinh viên chuyên ngành Tâm lý học.

2.4.17. Tâm lý học phát triển

Số tín chỉ : 03

Môn học giới thiệu những nội dung cơ bản về sự phát triển tâm lý của con người; cách thiết kế và các phương pháp nghiên cứu sự phát triển tâm lý người. Sinh viên có cơ hội tìm hiểu các lý thuyết cơ bản về nguồn gốc, động lực của phát triển tâm lý người; bản chất và cơ chế của sự phát triển tâm lý người; những kiến thức về quy luật, điều kiện và đặc điểm sự phát triển tâm lý của con người, với tư cách là thành viên của xã hội, qua các giai đoạn lứa tuổi từ trong bào thai, sinh ra, lớn lên, trưởng thành và già đi. Ngoài những kiến thức nêu trên, người học được tiếp cận với những quan điểm khoa học về những nhiệm vụ phát triển tâm lý trong từng giai đoạn cuộc đời để trở nên hữu ích và hạnh phúc hơn, giúp mỗi người phát triển tốt hơn những tiềm năng của bản thân mình.

2.4.18. Hành vi con người và môi trường xã hội

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về hành vi con người, môi trường xã hội: Các cách tiếp cận nghiên cứu về HVCN &MTXH; Những kiến thức cơ bản về tâm lý, hành vi của con người ở những giai đoạn phát triển.

2.4.19. Tâm bệnh học đại cương

Số tín chỉ : 03

Tâm bệnh học đại cương nghiên cứu những biểu hiện và phương pháp điều trị các rối loạn tâm thần. Thông qua học phần sinh viên được làm quen với những khái niệm cơ bản của tâm bệnh, kiến thức ban đầu về nguyên nhân, phân loại và các phương pháp điều trị rối loạn tâm thần. Phần tiếp theo, môn học giúp sinh viên nắm được các triệu chứng, hội chứng rối loạn tâm thần chủ yếu. Cuối cùng, môn học giới thiệu những đặc điểm lâm sàng và tiêu chuẩn chẩn đoán một số rối loạn tâm thần thường gặp: tâm thần phân liệt; rối loạn tâm thần do nghiện chất; trầm cảm; lo âu và các rối loạn phát triển.

2.4.20. Tâm lý học dân tộc

Số tín chỉ : 03

Các hướng tiếp cận tâm lý học dân tộc trong các khoa học khác nhau, từ tâm lý học tới nhân chủng học văn hóa. Phác họa các hướng phát triển tâm lý học dân tộc, giới thiệu thành tựu của các trường phái cổ điển và mới nhất và các hướng nghiên cứu cơ bản trong nghiên cứu nhân cách, giao tiếp, hành vi xã hội. Những khía cạnh tâm lý xã hội của tính đồng nhất dân tộc, mối quan hệ giữa các dân tộc: định khuôn, định kiến, xung đột dân tộc, thích ứng tâm lý trong môi trường văn hóa mới. Đặc điểm tâm lý của người VN xưa và trong giai đoạn hội nhập.

2.4.21. Tâm lý học lâm sàng

Số tín chỉ: 03

Tâm lý học lâm sàng là môn học đề cập đến các khái niệm, các lý thuyết, các phương pháp tiếp cận chính; các phương pháp và công cụ lâm sàng. Đồng thời môn học này cũng hệ thống các quan điểm cơ bản trong việc tiếp cận, lý giải các vấn đề có liên quan đến tâm bệnh lý của con người. Bên cạnh đó tâm lý học lâm sàng cũng đề cập đến chức năng và các lĩnh vực hoạt động của nhà Tâm lý học lâm sàng; quy trình tiến hành ca lâm sàng; vấn đề đạo đức trong thực hành và nghiên cứu lâm sàng.

2.4.22. Tâm lý học lao động

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tâm lý con người trong hoạt động lao động, những vấn đề trong công tác hướng nghiệp, những hiểu biết về các hiện tượng tâm lý nảy sinh trong tập thể lao động; Khả năng làm việc của con người và những điểm cần chú ý khi xây dựng chế độ lao động và nghỉ ngơi hợp lý, bầu không khí tâm lý trong lao động và các yếu tố an toàn trong lao động; Các phương pháp quản lý, lãnh đạo trong tập thể.

2.4.23. Tâm lý học nhóm nhỏ

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung về tâm lý nhóm nhỏ như: khái niệm, đặc trưng, các loại hình nhóm nhỏ, sự hình thành và phát triển nhóm nhỏ, các hướng nghiên cứu về nhóm nhỏ; Phong cách lãnh đạo nhóm nhỏ, kỹ năng điều hành sinh hoạt nhóm nhỏ; Những nội dung cơ bản về tâm lý của từng loại hình nhóm nhỏ cụ thể như: nhóm sinh viên, nhóm người già, nhóm trẻ em, nhóm phụ nữ, nhóm đàn

ông, nhóm thanh thiếu niên, nhóm doanh nhân....

2.4.24. Tham vấn và thực hành tham vấn

Số tín chỉ : 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tham vấn; các loại hình tham vấn; các khái niệm; nguyên tắc đạo đức và mối quan hệ đạo đức nghề nghiệp trong tham vấn; các lý thuyết/cách tiếp cận; quy trình tham vấn và các kỹ năng tham vấn trong tham vấn cá nhân, tham vấn gia đình.

2.4.25. Thực hành tâm lý học lao động

Số tín chỉ : 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản về tâm lý học lao động, những vấn đề chung, những vấn đề tâm lý trong tổ chức tập thể lao động, xác định động cơ nghề nghiệp đúng đắn, xây dựng chế độ nghỉ ngơi hợp lý, vận dụng âm thanh, màu sắc phù hợp tính đến yếu tố thẩm mỹ và sự an toàn trong lao động nhằm đạt năng suất lao động.

2.4.26. Thực hành tâm lý học nhóm nhỏ

Số tín chỉ : 03

Học phần giúp cho sinh viên vận dụng kiến thức, kỹ năng cơ bản về tâm lý nhóm nhỏ và thực hành tại cơ sở. Sinh viên vận dụng những kiến thức chung về tâm lý nhóm nhỏ, những đặc trưng của nhóm nhỏ, các loại hình nhóm nhỏ, các hiện tượng tâm lý nhóm nhỏ và sự hình thành, phát triển nhóm nhỏ; phong cách lãnh đạo nhóm và các kỹ năng điều hành sinh hoạt nhóm nhỏ. Sinh viên vận dụng được kiến thức cơ bản về tâm lý nhóm nhỏ, những phương pháp, cách thức và kỹ năng làm việc với từng loại hình nhóm nhỏ cụ thể.

2.4.27. Thực hành tâm lý học xã hội

Số tín chỉ: 03

Học phần thực hành tâm lý học xã hội cung cấp cho người học kỹ năng phát hiện vấn đề trong việc nhìn nhận, nghiên cứu và đánh giá các hiện tượng tâm lý xã hội. Thông qua việc hệ thống hóa và trang bị cho người học hệ thống các phương pháp nghiên cứu đặc thù, môn học hướng tới việc giúp sinh viên có thể tự xây dựng bộ công cụ nghiên cứu sao cho phù hợp với hiện tượng tâm lý mình quan tâm để phân tích làm rõ nguyên nhân các hiện tượng đó.

2.4.28. Tâm lý học phụ nữ

Số tín chỉ: 03

Tâm lý học phụ nữ trình bày những nội dung cơ bản về tâm sinh lý phụ nữ như cấu tạo cơ thể của phụ nữ, đặc điểm xu hướng nhân cách của phụ nữ, đặc điểm tâm lý tình dục của phụ nữ, từ đó vận dụng trong giao tiếp và làm việc với phụ nữ một cách hiệu quả.

2.4.29. Tâm lý học người cao tuổi

Số tín chỉ: 03

Tâm lý học người cao tuổi cung cấp cho người học các kiến thức về tâm sinh lý của người cao tuổi, những vấn đề thường gặp ở người cao tuổi. Học xong môn Tâm lý học người cao tuổi sinh viên có kiến thức, phương pháp và các kỹ năng cần thiết để làm việc với người cao tuổi. Ngoài ra môn học cũng cung cấp cho người học các kiến thức trong việc chăm sóc và tiếp xúc với người cao tuổi.

2.4.30. Công tác xã hội với người nghiện ma túy

Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng về Công tác xã hội với người nghiện ma túy, nghiện là gì, bản chất của nghiện và các khái niệm, phương pháp công tác xã hội với người nghiện ma túy, nguyên tắc, vai trò của nhân viên công tác xã hội cũng như luật pháp chính sách về phòng chống ma túy. Đồng thời qua học phần sẽ hình thành thái độ nghề nghiệp và các kỹ năng làm việc với người nghiện ma túy hỗ trợ và giúp đỡ người nghiện ma túy cai nghiện và dự phòng tái nghiện, tái hòa nhập cộng đồng hiệu quả. Người học sẽ lĩnh hội và vận dụng được tri thức về các hoạt động công tác xã hội với người nghiện ma túy và ứng dụng vào thực tiễn làm việc sau khi ra trường.

2.4.31. Tâm lý học quản lý

Số tín chỉ: 03

Học phần này gồm những vấn đề cơ bản sau: Đối tượng, nhiệm vụ, vai trò của tâm lý học quản lý, bản chất của quản lý, lãnh đạo; Vai trò của người quản lý; Đặc điểm tâm lý của người lãnh đạo như các phẩm chất, những năng lực, uy tín và phong cách của người lãnh đạo, đặc điểm tâm lý của quá trình ra quyết định quản lý của người lãnh đạo; Đặc điểm tâm lý của người lao động (nhu cầu, động cơ, nguyện vọng, và một số nét tâm lý đặc trưng của người lao động theo các loại hình lao động khác nhau); Những quy luật tâm lý mà nhà lãnh đạo cần quan tâm khi làm việc với người lao động; Đặc điểm tâm lý xã hội của tập thể lao động, những hiện tượng tâm lý xã hội trong thể lao động, các biện pháp tác động đến người lao động và tập thể lao động, xung đột và giải quyết xung đột trong tập thể lao động; Chức năng, hình thức giao tiếp trong công tác quản lý; Tâm lý học với việc quản lý sử dụng con người và công tác tổ chức cán bộ.

2.4.32. Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần

Số tín chỉ: 03

Học phần Tham vấn trong chăm sóc sức khỏe tâm thần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tham vấn chăm sóc sức khỏe tâm thần nói chung và kiến thức, kỹ năng, quy trình tham vấn cho một số trường hợp đặc biệt như: Tham vấn chăm sóc sức khỏe tâm thần cho trẻ em bị khủng hoảng tâm lý; Tham vấn chăm sóc sức khỏe tâm thần cho nạn nhân buôn bán người; Tham vấn chăm sóc sức khỏe tâm thần cho người nghiện ma túy... Trên cơ sở đó bước đầu hình thành một số kỹ năng cơ bản trong tham vấn chăm sóc sức khỏe tâm thần cho một số nhóm xã hội đặc biệt....

2.4.33. Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên

Số tín chỉ: 03

Tâm bệnh học trẻ em và thanh thiếu niên đề cập đến những khái niệm, lý thuyết cơ bản, đặc biệt tập trung vào phân tích đặc điểm cấu trúc tâm trí, đặc điểm lâm sàng của các nhóm bệnh theo các kiểu cấu trúc tâm trí mà trẻ em và thanh thiếu niên thường có. Các nhóm bệnh này được phân tích theo ba nhóm tuổi chính: trẻ sơ sinh (từ 0 đến 2 tuổi), trẻ em (từ 2 đến 11 tuổi) và thanh thiếu niên. Phần cuối của môn học sẽ đề cập đến vấn đề tổ chức phòng ngừa và chăm sóc, chữa trị trẻ em và thanh thiếu niên mắc phải những bệnh này, ở Việt Nam hiện nay. Toàn bộ nội dung của môn học chia thành bốn bài, được tổ chức dạy và học trong 15 tuần.

2.4.34. Công tác xã hội với người khuyết tật

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về người khuyết tật như khái niệm, đặc điểm, nhu cầu của người khuyết tật; Các cách tiếp cận khác nhau về vấn đề khuyết tật; Hệ thống luật pháp, chính sách và các mô hình trợ giúp người khuyết tật; Các phương pháp, kỹ năng cơ bản trong trợ giúp và làm việc với người khuyết tật.

2.4.35. Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS

Số tín chỉ: 03

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng chung về công tác trợ giúp người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS: Kiến thức chung về HIV, các đặc điểm tâm lý và nhu cầu của người có HIV, vấn đề về kỳ thị và phòng chống kỳ thị với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; các kỹ năng làm việc với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; các nguồn lực và dịch vụ hỗ trợ cho người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

2.4.36. Thực tập cuối khóa

Số tín chỉ: 04

Học phần này tập trung vào việc rèn luyện khả năng ứng dụng kiến thức của sinh viên nhằm hình thành các kỹ năng, tạo điều kiện cho sinh viên áp dụng những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được từ các học phần khác nhau của ngành Tâm lý học vào các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Ở học phần này, sinh viên vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào cơ sở thực tập. Trên cơ sở vận dụng các kiến thức vào thực hành nghề nghiệp, sinh viên sẽ đưa ra các đề xuất, khuyến nghị cho công tác đào tạo, các nhà thực hành và các đối tác có liên quan phát triển các dịch vụ tâm lý học.

2.4.37. Tâm lý học gia đình

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức căn bản, nền tảng về gia đình (tiếp cận gia đình từ góc độ Tâm lý học). Người học cần nắm vững phương pháp nghiên cứu mang tính đặc thù của Tâm lý học gia đình, có khả năng vận dụng những phương pháp này vào phân tích những vấn đề mang tính lý luận như: quá trình hội nhập vợ chồng, các mối quan hệ trong gia đình, bầu không khí tâm lý gia đình, ly hôn ly tán gia đình..

2.4.38. Tâm lý học học đường

Số tín chỉ: 03

Tâm lý học học đường trang bị cho sinh viên những kiến thức chung như khái niệm, đối tượng, lịch sử hình thành và các phương pháp nghiên cứu. Để có thể làm tốt công tác trợ giúp tâm lý cho học sinh, ngoài việc được trang bị, tìm hiểu những kiến thức về các đặc điểm của các hoạt động trợ giúp tâm lý, các đặc thù của tham vấn học đường...sinh viên sẽ được hình thành thái độ tích cực trong học tập, trong hoạt động nghề nghiệp thông qua việc các em được trang bị và tìm hiểu về các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, các nguyên tắc chẩn đoán tâm lý. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được tìm hiểu về vấn đề học kém của học sinh và cách tiếp cận, hỗ trợ các học sinh học kém.

2.4.39. Tham vấn cho trẻ em bị xâm hại

Số tín chỉ: 03

Môn học tham vấn cho trẻ em bị xâm hại sẽ trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về tham vấn nói chung và chuyên sâu về tham vấn cho trẻ em bị xâm hại. Sinh viên được hiểu rõ hơn về các hình thức trẻ em bị xâm hại, nguyên nhân, hậu quả của việc trẻ em bị xâm hại và các dấu hiệu nhận biết trẻ em bị xâm hại. Ngoài những kiến thức nêu trên, sinh viên còn được tìm hiểu về các hình thức và một số kỹ năng tham vấn cho trẻ em bị xâm hại. Sinh viên cũng được tìm hiểu quy trình tham vấn cho trẻ em bị xâm hại, một số điểm cần lưu ý khi tham vấn cho trẻ em bị xâm hại và được thực hành một số kỹ năng tham vấn theo quy trình.

2.4.40. Tham vấn cho phụ nữ bị bạo lực gia đình

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về tham vấn hôn nhân gia đình. Quan trọng hơn, học phần tập trung vào trang bị những kiến thức và kỹ năng tham vấn các vấn đề nảy sinh trong gia đình và nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân trong giữ gìn hôn nhân hạnh phúc.

2.4.41. Khóa luận tốt nghiệp

Số tín chỉ: 06

Học phần này giúp người học áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động của ngành Tâm lý học. Học phần này gồm 3 chương là chương 1:Cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu; chương 2: Thực trạng vấn đề nghiên cứu; Chương 3: Giải pháp, khuyến nghị và kết luận. Kết thúc học phần, người học báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức Khóa luận tốt nghiệp.

2.4.42. Lý thuyết xác suất và Thống kê toán

Số tín chỉ: 03

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán. Học phần cũng giúp sinh viên giải quyết các bài tập xác suất và thống kê. Những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên học các môn học chuyên ngành về sau.

2.4.43. Triết học Mác - Lênin

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Cung cấp những kiến thức về triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội. Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế- xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

2.4.44. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp kiến thức về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin. Nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác -Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.4.45. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân và vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người..

2.4.46. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp kiến thức về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Nội dung của học phần khẳng định những thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học và thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa..

2.4.47. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp nội dung tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh đó cung cấp những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

2.4.48. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Pháp chế xã hội chủ nghĩa.

2.4.49. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở nhất để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel.

2.4.50. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về CSDL (Database), CSDL quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

2.4.51. Thống kê xã hội

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng nghiên cứu của thống kê xã hội; Quá trình nghiên cứu thống kê xã hội; Nghiên cứu thống kê các mức độ của hiện tượng KTXH; Thống kê giáo dục và đào tạo; Thống kê hôn nhân và gia đình; Thống kê y tế và bảo vệ sức khỏe nhân dân ;Thống kê văn hóa thể thao và du lịch; Thống kê an sinh xã hội; Thống kê mức sống dân cư.

2.4.52. Pháp luật về các vấn đề xã hội

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Giới thiệu chung Pháp luật về các vấn đề xã hội; Pháp luật về lao động, việc làm; Pháp luật về người có công với cách mạng; Pháp luật về phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi và người khuyết tật; Pháp luật về phòng, chống mại dâm, ma túy, mê tín, dị đoan và xử lý đánh bạc trái phép.

2.4.53. Nhập môn công tác xã hội

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức khái quát về công tác xã hội: Khái niệm, mục đích, chức năng nhiệm vụ của CTXH; Lịch sử hình thành ngành công tác xã hội; Các yêu cầu đối với người nhân viên Công tác xã hội.

2.4.54. Toán cao cấp 1

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector; Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con \mathbb{R}^n ; Ứng dụng của đại số tuyến tính trong phân tích mô hình cân bằng cung cầu, mô hình cân đối liên ngành.

2.4.55. Soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt: Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.

2.4.56. Logic học

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng và ý nghĩa của logic học; Khái niệm; Phán đoán; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Suy luận; Chứng minh và bác bỏ; Giả thuyết.

2.4.57. Phương pháp luận NCKH

Số tín chỉ: 02

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.

2.4.58. Tiếng Anh cơ bản 1

Số tín chỉ: 02

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

2.4.59. Tiếng Anh cơ bản 2

Số tín chỉ: 03

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ đầu A2 chuẩn châu

Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

2.4.60. Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý học 1

Số tín chỉ : 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản về Tâm lý học lâm sàng, tâm lý học xã hội, tâm lý học phát triển, tâm lý lao động, hành vi con người và môi trường xã hội, tâm lý học tổ chức...

2.4.61. Tiếng Anh chuyên ngành tâm lý học 2

Số tín chỉ : 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản về Kỹ năng tham vấn cho các đối tượng, trẻ em, phụ nữ bị bạo hành, người nghiện ma túy...Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sống, tâm lý học ứng dụng...

2.4.62. Thể dục - Điền kinh

Số tín chỉ: 01

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận động về: Bài tập phát triển chung 13 động tác. Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng; Luật thi đấu môn nhảy cao

2.4.63. Bóng chuyền 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

2.4.64. Bóng chuyền 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức nâng cao về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

2.4.65. Bóng rổ 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

2.4.66. Bóng rổ 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Bóng rổ, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Bóng rổ một cách thuần thục hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

2.4.67. Cầu lông 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Cầu lông như: Cách cầm cầu, cách cầm vợt, các tư thế chuẩn bị cơ bản, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phải trái.

2.4.68. Cầu lông 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Cầu lông, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Cầu lông một cách thuần thục hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật di chuyển, Kỹ thuật giao cầu, Kỹ thuật đánh cầu cao sâu phải trái

2.4.69. Cờ vua 1

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về: Nguồn gốc ra đời của môn cờ vua. Lịch sử hình thành, phát triển của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam. Xu hướng phát triển, tác dụng của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam. Giai đoạn tàn cuộc của ván đấu.

Một số điều luật trong cờ vua.

2.4.70. Cờ vua 2

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản: Ôn tập nội dung chính của Cờ vua 1

Giai đoạn khai cuộc của ván đấu. Một số điều luật trong cờ vua.

2.4.71. Cờ vua 3

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về: Ôn tập nội dung chính của cờ vua 2 và một phần cờ vua 1. Giai đoạn trung cuộc của ván đấu. Một số điều luật trong cờ vua.

2.4.72. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 03

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

2.4.73. Công tác quốc phòng an ninh

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, an ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống và vi phạm pháp luật trên không gian mạng ở Việt Nam.

2.4.74. Quân sự chung

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh: hiểu biết về lịch sử ra đời, truyền thống của các quân binh chủng trong quân đội; các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, các nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết và biết cách sử dụng bản đồ địa hình quân sự; hiểu biết về vũ khí công nghệ cao và cách phòng chống trong chiến tranh; rèn luyện và thi đấu ba môn quân sự phối hợp

2.4.75. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Tính năng, cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lựu đạn. Trình tự các bước thực hành ngắm bắn và trình tự các bước thực hành ném lựu đạn. Kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và cảnh giới

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Hà Xuân Hùng